

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Trần Thị Huỳnh Tr cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Tr (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục khai sinh Lê Thành L2 và Lê Thành Ph (bản chính); bản tự khai.

Chứng cứ do ông Lê Thành Nh cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Tr trình bày:

Bà Tr và ông Nh đăng ký kết hôn tại UBND xã BHTr vào năm 2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có hai con chung là Lê Thành L2 và Lê Thành Ph sinh cùng ngày 24/02/2019 (sinh đôi).

Sau khi có con, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, tình trạng trầm trọng. Nguyên nhân do tính ông Nh cục cằn, thô lỗ, thường xuyên nhậu nhẹt, nhiều lần đánh bà Tr và hai con bằng tay chân và các vật khác như xiệc cá, dao... Trước đây, bà Tr đã đưa đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông Nh hứa hẹn thay đổi nên bà Tr đã rút đơn về. Hiện nay, cả hai tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà Tr nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Tr không còn tình cảm với ông Nh. Do đó, bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nh. Về con chung, bà Tr yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bà Tr đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Huỳnh Tr và ông Lê Thành Nh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHTr và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Thành Nh: Ông Lê Thành Nh vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông Nh.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Huỳnh Tr:

[3.1]. Bà Tr trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông Nh vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Tr để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của bà Tr thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông Nh vắng mặt thể hiện ông Nh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Bà Tr xác định không còn tình cảm với ông Nh. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Tr và ông Nh không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Tr và ông Nh lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông Nh.

[4]. Về con chung: Ông Nh không có ý kiến về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Tr. Xét thấy, hai con chung là Lê Thành L2 và Lê Thành Ph sinh cùng ngày 24/02/2019 (sinh đôi), hiện đang sống với bà Tr, con chung mới hơn 03 tuổi nên bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Tr.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung: Bà Tr xác định không có tài sản chung, ông Nh vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Tr về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Bà Tr xác định không có nợ chung, ông Nh vắng mặt, không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Tr về việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Bà Trần Thị Huỳnh Tr phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Huỳnh Tr đối với ông Lê Thành Nh, cho bà Tr được ly hôn ông Nh.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Huỳnh Tr về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Thành L2 và Lê Thành Ph sinh cùng ngày 24/02/2019 (sinh đôi), hiện đang sống với bà Tr. Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trần Thị Huỳnh Tr về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trần Thị Huỳnh Tr về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Trần Thị Huỳnh Tr phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng

tạm ứng án phí bà Tr đã nộp theo biên lai số 0010487 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Tr đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Trần Thị Huỳnh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thành Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã BHTr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1